

VI. Cú pháp lệnh **SELECT** của SQL

- a) Lệnh **SELECT** là thành phần cơ bản của ngôn ngữ cơ sở dữ liệu SQL.
- b) Lệnh **SELECT** được dùng để chọn hoặc truy xuất các mẫu tin (**Records**) hoặc các vùng tin (**Fields**) từ các **Tables** của CSDL.
- c) Cú pháp tổng quát của câu lệnh SQL:

```
SELECT <Danh sách các Fields>  
      FROM <Danh sách các Tables>  
      WHERE <Biểu thức kết nối Tables>  
            <Biểu thức điều kiện lọc>  
      [GROUP BY <Tiêu chuẩn phân nhóm>]  
      [HAVING <Tiêu chuẩn chọn nhóm>]  
      [ORDER BY <Tiêu chuẩn sắp xếp>]
```

V.1. SELECT

- Liệt kê các Fields cần truy xuất.
- Muốn lấy hết các Fields của một Table, ta dùng dấu * . Thí dụ : **Select * From ...**
- Muốn lấy tuần tự từng Field thì các Fields phải phân cách với nhau bởi dấu phẩy.

Thí dụ:

```
SELECT TblDanh_sach_ban_doc.MaBD,  
TblDanh_muc_thanh_phan.Tenthanhphan,  
TblDanh_sach_ban_doc.TenBD,  
FROM .....
```

VI.2. From

- Dùng để khai báo hoặc cung cấp dữ liệu nguồn (là các **Tables**) cho câu lệnh truy vấn.

- Cú pháp:

FROM <Tên Table [[**As**] <Tên thay thế>]

- Có thể dùng tên thay thế hoặc không (tên thay thế được dùng khi tên **Table** quá dài và phải sử dụng nhiều **Tables**).

Thí dụ:

SELECT * From TblDanh_muc_sach As Sach;

hoặc:

SELECT * From TblDanh_muc_sach;

Dùng theo cú pháp của Access:

Select *

From BangA

Inner Join BangB

On BangA.Ma = BangB.Ma

Thí dụ:

SELECT TbIDanh_muc_sach.Tensach,TbITac_gia.TenTG

FROM TbIDanh_muc_sach **INNER JOIN** TbITac_gia

ON TbIDanh_muc_sach.Matacgia = TbITac_gia.Matacgia;

Dùng bí danh thay thế tên Table:

Select A.Manv, A.Holot+' '+A.Ten **As** Hoten,
B.Lcb, B.Phucap

From TblHosonv As A **Inner Join**
TblHosoluong As B **On** A.Manv = B.Manv

Where A.MaBP ='KTTV';

VI.3. WHERE

- Sử dụng để kết nối các Tables (theo ngôn ngữ SQL chuẩn)
- Sử dụng như một mệnh đề lọc (**Filter**) để kết xuất những **Records** thoả điều kiện tìm kiếm
- Dạng tổng quát:

WHERE <Join Condition>
<Filter Condition>

Thí dụ 1:

Select *

From TblTacgia

Where TblTacgia.Matp = 'TP01';

```
SELECT TblTac_gia.TenTG,  
        TblDanh_muc_sach.Tensach  
FROM TblTac_gia, TblDanh_muc_sach  
WHERE TblTac_gia.Matacgia =  
        TblDanh_muc_sach.Matacgia And  
        TblTac_gia.MaTP ='TP11';
```

(SQL chuẩn)

```
SELECT TblTac_gia.TenTG, TblDanh_muc_sach.Tensach  
FROM TblTac_gia INNER JOIN TblDanh_muc_sach  
ON TblTac_gia.Masach = TblDanh_muc_sach.Masach  
WHERE tblTac_gia.MaTP = 'TP11';
```

(MS.Access)

VI.4. ORDER BY

- ❑ Dùng để sắp xếp các Records theo một trật tự xác định.
- ❑ Giá trị mặc nhiên là trật tự tăng (từ A .. Z , 0 .. 9)

Thí dụ:

Liệt kê danh sách nhân viên theo thứ tự mã bộ phận

Select * From TblHosonhanvien **Order By** Mabp

Liệt kê danh mục sách Tin học theo thứ tự của tên các nhà xuất bản

Select A.Masach, A.Tensach, B.TenNXB

From TblDanhmucsach **As** A **Inner Join** TblNhaxuatban **As** B

On A.Manxb = B.Manxb

Order By B.Tennxb;

VI.5. Group By và Having

- ❑ Dùng để nhóm các **Records** có cùng giá trị tại một **Field** nào đó.
- ❑ Để lọc các **Records** đã được nhóm (**Group**), ta phải dùng **Having <Filter Condition>**

Thí dụ: Liệt kê tên các mặt hàng mì gói đã xuất bán

```
Select A.Mahang, B.Tenhang  
      From TblHoadon As A Inner Join TblHanghoa As B  
      On A.Mahang = B.Mahang  
      Group By A.Mahang  
      Having A.Mahang = "MIGOI*";
```